

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VY
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung

Ông Sái Văn Trọng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố VY.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo Q định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 14 tháng 04 năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố MT, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị P và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

1. Chị Đỗ Thị P1, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã ĐN, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện tạm trú: Ngõ 8, đường T, tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm: 1973; HKTT trú: HB, xã ĐT, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Hiện tạm trú: Tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lưu Văn Q, sinh năm: 1979; trú tại: Số 1 đường T, tổ dân phố MT, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965; trú tại: Tổ dân phố MT, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 01/9/2018, Nguyễn Trung Đ cùng một nam giới mới quen (theo Đ khai tên là Phan Thế A, sinh năm 1981 ở huyện ĐA, thành phố Hà Nội) đi qua quán cà phê, cắt tóc gội đầu của chị Đỗ Thị Minh H, tại tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, Đ quan sát trong quán không có người nên lên vào quán. Thấy có 01 túi xách màu xanh rêu treo trên tường, bên phải hướng từ ngoài vào, Đ cầm túi xách đi ra ngoài quán và cùng Phan Thế A kiểm tra bên trong túi thấy có 14.500đ tiền mặt, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị Minh H, 01 thẻ bảo hiểm y tế tên Đinh Thị Bích D. Đ cầm lấy tiền và giấy tờ cất vào túi quần, còn túi xách vứt bỏ ở ven đường cách quán cà phê, cắt tóc của chị H khoảng 30m, sau đó Đ và Thế A tiếp tục đi bộ vào ngõ 11, đường Lạc Long Quân, thuộc tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY để trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 00 giờ ngày 02/9/2018, Đ mở cổng một dãy trọ đi vào bên trong, Thế A đứng ở cổng chờ, nhưng chưa trộm cắp được tài sản gì thì bị người trong dãy trọ phát hiện đuổi bắt được Đ đưa về Công an phường KQ làm việc, lập biên bản và thu giữ trên người Nguyễn Trung Đ: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Đỗ Thị Minh H, 01 thẻ bảo hiểm y tế tên Đinh Thị Bích D, 01 điện thoại di động màu đen hiệu Masstel và 14.500 đ tiền mặt, còn Thế A chạy thoát.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trung Đ đã tự khai nhận ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, Đ còn thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị P1, cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/8/2018, Nguyễn Trung Đ đi bộ một mình đến khu vực Ngõ 8, đường T, thuộc tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, Đ thấy có 01 dãy nhà trọ có cổng sắt mở, Đ đi vào thấy phòng trọ số 03 là phòng trọ của chị Đỗ Thị P1 cửa phòng mở, điện bật sáng. Đ quan sát thấy chị P1 đang ngồi gội đầu ở phía trong cùng của dãy trọ, mặt quay vào phía trong không nhìn thấy Đ nên Đ đi vào trong phòng. Thấy ở trên giường có 01 chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu hồng và trên bàn nấu ăn cạnh cửa ra vào có 01 chiếc ví màu hồng, Đ cầm chiếc điện thoại cất vào túi quần phía trước rồi quay ra cầm chiếc ví giả da màu hồng cất vào túi quần phía sau rồi nhanh chóng ra khỏi dãy nhà trọ. Sau khi lấy được tài sản, Đ đi ra ngõ 01 đường T kiểm tra thấy bên trong ví có 400.000đ tiền mặt, 01 giấy đăng ký xe máy, 01 bằng lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị P1. Thấy có thẻ ATM, nghĩ là trong tài khoản của chị P1 có tiền nên Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị P1. Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày 08/8/2018, Đ đi bộ ra cây ATM của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc (BIDV) ở đối diện đầu Ngõ 2, đường T, phường KQ, thành phố VY rồi đút thẻ ATM của chị P1 vào cây và thực hiện

thao tác rút tiền. Khi dịch vụ yêu cầu nhập mã pin, Đ đoán mã pin là ngày, tháng, năm sinh của chị P1 nên đã lấy ngày, tháng, năm sinh trên giấy chứng minh nhân dân của chị P1 là 05/02/1994 và nhập mã pin là “050294” thì thấy truy cập được vào tài khoản của chị P1. Đ kiểm tra trong tài khoản thấy có 1.400.000đ, Đ thực hiện thao tác rút được 1.350.000đ, sau đó lấy thẻ ra cất vào trong ví rồi đi chơi điện tử hết số tiền trên.

Khoảng 00 giờ ngày 09/8/2018, Đ quay lại dãy nhà trọ của chị P1 và ném trả lại ví cùng các giấy tờ tùy thân của chị P1 vào trong dãy nhà trọ rồi về nhà ngủ. Khoảng 07 giờ ngày 09/8/2018, Đ đem chiếc điện thoại trộm cắp được của chị P1 đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại ở số 01, đường T, phường KQ, thành phố VY bán cho anh Lưu Văn Q (là chủ cửa hàng) được 1.500.000đ, số tiền này Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại OPPO F1S của Đ, đến chiều cùng ngày anh Q đã bán cho một người khách không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 1.500.000đ.

Ngày 02/9/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng và đã thu giữ được chiếc túi xách màu xanh rêu Đ trộm cắp của chị H tại cuối đường N thuộc phường KQ, cách phòng trọ của chị H khoảng 30m. Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại phòng trọ số 3, ở ngõ 8, đường T của chị Đỗ Thị P1, đã thu giữ: 01 ví cầm tay màu hồng, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe máy, 01 giấy phép lái xe BKS: 88C1 – 144.12, 01 bảo hiểm xe máy và 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị P1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 149 ngày 21/9/2018 và số 179, 180 cùng ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố VY kết luận: Trị giá 01 thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S là 1.500.000đ; 01 ví giả da màu hồng là 10.000đ; 01 túi xách giả da màu xanh 30.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất hình ảnh camera tại cây rút tiền (ATM) của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc (BIDV) đặt tại khu vực đối diện đầu ngõ 2, đường T, phường KQ, thành phố VY (được ghi lại trong USB hình ảnh, video từ 12 giờ 30 phút ngày 08/8/2018 đến 22 giờ 15 phút ngày 08/8/2018). Tại bản kết luận số 1349/KLGD ngày 24/9/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 07 kiểu ảnh diễn biến liên quan đến việc rút tiền tại cây ATM của đối tượng. Toàn bộ ảnh chụp được in và thuyết minh trong bản ảnh giám định kèm theo kết luận giám định: Ảnh 1, 2 xuất hiện 01 đối tượng tại thời gian 21 giờ 50 ngày 08/8/2018 (theo thời gian xuất hiện trên video). Đối tượng này tay trái cầm 01 vật sáng màu và tay phải đưa một vật vào cây ATM và có thao tác giống như bấm phím trên cây ATM; ảnh 3,4 đối tượng này tiếp tục thao tác trên cây ATM; ảnh 5,6, 7 đối tượng này tay phải có tác động giống như hứng đợi sẵn rồi cầm lấy tiền từ trong cây ATM chuyển ra (đưa tay vào vị trí cây

ATM nhả tiền) rồi đi ra khỏi cây ATM. Quá trình điều tra xác định, người đàn ông trong ảnh, vì đeo trích xuất được chính là Nguyễn Trung Đ.

Về phần bồi thường dân sự:

Đ và gia đình Đ đã thoả thuận bồi thường cho chị P1 trị giá chiếc điện thoại OPPO F1S là 1.500.000đ, 400.000đ tiền mặt và tiền Đ rút trong cây ATM của chị P1 1.350.000đ, tổng cộng 3.250.000đ. Bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ Đ) đã giao nộp số tiền 3.250.000đ cho Cơ quan điều tra để thực hiện việc bồi thường. Ngày 05/12/2018, chị P1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì. Bà T không yêu cầu Đ phải hoàn trả cho bà số tiền trên.

Cáo trạng số 13/CT-VKSTPVY ngày 15/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY đã truy tố Nguyễn Trung Đ về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Bị hại chị Đỗ Thị Minh H vắng mặt, quá trình điều tra khai: Khoảng 22 giờ ngày 01/9/2018, tại tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, chị bị đối tượng trộm cắp 01 túi xách màu xanh bên trong túi có 14.500đ tiền mặt, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị Minh H, 01 thẻ bảo hiểm y tế tên Đinh Thị Bích D (con chị). Toàn bộ tài sản trên chị đã được Cơ quan điều tra trả lại ngày 04/12/2018, chị không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị xử phạt Đ theo quy định của pháp luật;

Bị hại chị Đỗ Thị P1 vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), quá trình điều tra khai: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 08/8/2018 tại khu vực Ngõ 8, đường T, thuộc tổ dân phố VT, phường KQ, thành phố VY, chị bị đối tượng trộm cắp: 01 chiếc điện thoại di động OPPO F1S; 01 chiếc ví màu hồng có 400.000đ tiền mặt, 01 giấy đăng ký xe máy, 01 bằng lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị P1 và bị rút trong tài khoản 1.350.000đ. Ngày 05/12/2018, chị đã được cơ quan điều tra trả lại giấy tờ đầy đủ; nhận số tiền gia đình bị cáo bồi thường 3.250.000đ, chị không yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn Q vắng mặt, quá trình điều tra khai nhận: Sáng ngày 09/8/2018, Nguyễn Trung Đ đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh ở số 01, đường T, phường KQ, thành phố VY, bán cho anh 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO. Do tin tưởng là điện thoại của Đ nên anh đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng; anh không biết là tài sản đó do Đ phạm tội mà có. Anh đã bán cho người không quen biết với giá 1.500.000đ.

Bà Nguyễn Thị T quá trình điều tra và tại phiên tòa khai: Sau khi biết phải bồi thường, bị cáo Đ (con bà) đã đề nghị bà đứng ra bồi thường cho người bị hại nên bà tự nguyện dùng tiền của mình 3.250.000đ, để bồi thường thay cho Đ; bà không yêu cầu bị cáo Đ phải hoàn trả tiền cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên Quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung Đ phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để giải quyết vật chứng của vụ án.

Bị cáo Nguyễn Trung Đ không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trung Đ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Biên bản sự việc; phù hợp với vật chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Sau khi trộm cắp được chiếc thẻ ngân hàng Vietcombank (thẻ ATM) và giấy tờ tùy thân của chị Đỗ Thị P1, Nguyễn Trung Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị P1. Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 08/8/2018, Đ một mình đi bộ ra cây rút tiền ATM của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc (BIDV) ở đối diện đầu ngõ 2, đường T, phường KQ, thành phố VY, sau đó đút thẻ ATM của chị P1 vào cây ATM rồi bấm mã pin số “050294” đăng nhập trái phép vào tài khoản của chị P1, thực hiện giao dịch rút tiền và chiếm đoạt được 1.350.000đ trong tài khoản của chị P1, tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi của Nguyễn Trung Đ đã phạm vào tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định: “1/ Người nào sử dụng..... phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây,....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a/ Sử dụng thông tin về tài

khoản, thẻ ngân hàng của Cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ...”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xét tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội phạm ít nghiêm trọng. Về nhân thân: Bị cáo có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân; vì lòng tham, tư lợi; để có tiền sử dụng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường đầy đủ cho người bị hại; khi bị bắt, bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội ngày 08/8/2018 khi chưa bị phát hiện, để từ đó cơ quan điều tra biết và điều tra vụ án, do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, người bị hại (chị Đỗ Thị P1) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo Đ còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên có thể xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng bản thân thành công dân lương thiện là phù hợp, cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[3] Đối với người liên quan, vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với đối tượng Phan Thế A, theo lời khai của Nguyễn Trung Đ có đi cùng Nguyễn Trung Đ trộm cắp túi xách của chị Đỗ Thị Minh H ngày 01/9/2018. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đ khai: Đ mới quen biết người này ngoài xã hội, chỉ biết người đó nói tên là Phan Thế A và nói nhà ở xã U, huyện ĐA, Hà Nội, còn tên tuổi, địa chỉ cụ thể Đ không biết. Qua xác minh tại xã U, huyện ĐA, thành phố Hà Nội không đủ căn cứ để xác định là có Phan Thế A,

sinh năm 1981 như Đ mô tả trên, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh đủ căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Lưu Văn Q là người mua chiếc điện thoại OPPO F1S của Nguyễn Trung Đ: Quá trình điều tra xác định anh Q tin tưởng chiếc điện thoại trên là của Đ; không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 thẻ ATM màu xanh trắng của Ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Đỗ Thị Minh H, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đinh Thị Bích D (là con gái chị H), 01 chiếc túi xách màu xanh và số tiền 14.500đ, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Đỗ Thị Minh H. Ngày 04/12/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị H; chị H đã nhận lại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 ví cầm tay màu hồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe máy, 01 giấy phép lái xe BKS: 88C1 – 144.12, 01 bảo hiểm xe máy và 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank đều mang tên Đỗ Thị P1, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Đỗ Thị P1. Ngày 05/12/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản này cho chị P1; chị P1 không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, Đ trộm cắp của chị Đỗ Thị P1, Đ bán cho anh Lưu Văn Q với giá 1.500.000đ, anh Q đã bán cho người đi đường không rõ tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, còn sim điện thoại Đ vứt bỏ, không biết vứt ở địa điểm nào, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được. Chị P1 yêu cầu Đ phải bồi thường cho chị trị chiếc điện thoại theo giá trị định giá, còn chiếc sim chị không yêu cầu. Đ và gia đình Đ đã thỏa thuận bồi thường cho chị P1 trị giá chiếc điện thoại OPPO F1S là 1.500.000đ, 400.000đ tiền mặt và số tiền Đ rút trong cây ATM của chị P1 1.350.000đ, tổng cộng 3.250.000đ. Bà Nguyễn Thị T (mẹ bị cáo Đ) đã tự nguyện nộp số tiền 3.250.000 cho Cơ quan điều tra để thực hiện việc bồi thường thay cho Đ. Ngày 05/12/2018, chị P1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì. Bà T không yêu cầu Đ phải hoàn trả cho bà số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Masstel A236 thu giữ của Nguyễn Trung Đ, quá trình điều tra xác định là tài sản của Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Trung Đ ngày 01/9/2018 của chị Đỗ Thị Minh H có trị giá 44.500đ và ngày 08/08/2018 của chị Đỗ Thị P1 có trị giá 1.910.000đ, tổng trị giá tài sản là 1.954.500đ (dưới 2.000.000đ), bản thân Đ chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên ngày 08/12/2018,

Công an thành phố VY đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đ về hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ: 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho Nguyễn Trung Đ chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Masstel A236 không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 17/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí Hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trung Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Chi cục thi hành án VY;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh

